



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
NGÀNH: THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1) Thông tin về học phần

- Tên Học phần:
Tên tiếng Việt: **Quản trị các tổ chức công**
Tên tiếng Anh: **Administration of public organizations**
- Mã số Học phần: 076250
- Số tín chỉ: 02
- Trình độ: dành cho học viên cao học
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ×				
		Cơ sở ngành X		Chuyên ngành		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc x	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Môn học tiên quyết: Không
Môn học trước: Quản trị học ; kinh tế vi mô; kinh tế vĩ mô.
Môn học song hành: Không
- Phân bố thời gian chi tiết:
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 10 tiết
 - + Tự học: 60 tiết

2) Mô tả vắn tắt nội dung Học phần

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về quản lý công như:

Môn học Quản lý công nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức về kinh tế học thuộc khu vực công cộng. Môn học Quản lý công nghiên cứu các vấn đề cơ bản về tính hiệu quả của việc điều hành trực tiếp của Nhà nước; cũng như các cơ chế, chính sách tài chính đặc biệt mà Nhà nước có thể điều tiết nhằm bảo đảm hiệu quả xã hội trong việc sản xuất hàng hóa, dịch vụ công cộng. Bao gồm các hoạt động thuộc các lĩnh vực: - Xây dựng, hoàn thiện, thực hiện và duy trì hệ thống luật pháp của quốc gia một cách có hiệu quả; - Các hoạt động dưới dạng các chính sách của chính phủ, như các chính sách về thuế, phạt tiền, trợ cấp, hệ thống các quy định về tiêu chuẩn...; - Các hoạt động về cung ứng dịch vụ, sản xuất hàng hóa công cộng. Môn Kinh tế công cộng còn đặt ra các vấn đề về sự Lựa chọn công cộng, cũng như các giải pháp mang lại lợi ích chung của cộng đồng

3) Tài liệu học tập

❖ *Tài liệu/giáo trình chính, bắt buộc:*

Tài liệu/ giáo trình chính, bắt buộc:

- [1] Phan Huy Đường; Quản lý công, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014
- [2] Jonathan Gruber (2012). Public Finance and Public Policy. Worth Publishers; Fourth Edition edition (December 1, 2012)
- [3] Nguyễn Trọng Bình, Hành chính công và Quản lý công, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, 2015.

Tài liệu/ giáo trình tham khảo:

- [4] Jean Hindriks and Gareth D. Myles (2013). Intermediate Public Economics. The MIT Press; second edition edition (April 5, 2013)
- [5] David N Hyman (2010). Public Finance: A Contemporary Application of Theory to Policy. Cengage Learning; 10 edition (June 24, 2010)
- [6] Harvey Rosen and Ted Gayer (2013). Public Finance. Mcgraw Hill, 2013
- [1] Chương trình đào tạo kinh tế Fullbright, Quản lý công, lưu hành nội bộ, 2013.
- [2] Nguyễn Thuần, Kinh tế công cộng, NXB Thống Kê, 2010.

4) Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần (KQHTMD)

Mục tiêu: .

Môn học trang bị cho học viên các kiến thức về Quản lý công.

Sau khi học xong môn học, học viên có thể:

- Giúp cho học viên có kiến thức về khu vực công; Các vấn đề cơ bản của Tài chính công trong khu vực công; cũng như tính hiệu quả của khu vực công;
- Hiểu rõ các chính sách của chính phủ thuộc khu vực công.

- Rèn luyện cho học viên kỹ năng về tìm kiếm thông tin, thảo luận nhóm, kỹ năng thuyết trình.

Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sự đóng góp của mỗi môn học cho ELOs của CTĐT).

N : Không đóng góp (none supported)

S : Có đóng góp (suppoorted)

H : Đóng góp quan trọng (highly supported)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		ELO ₁ (K1)	ELO ₂ (K2)	ELO ₃ (K3)	ELO ₄ (S1)	ELO ₅ (S2)	ELO ₆ (S3)	ELO ₇ (S4)	ELO ₈ (A1)
076250	Quản trị các tổ chức công	H	S	H	S	N	S	S	S

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, học viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
CELO1	Hiểu rõ khu vực công, phân biệt khu vực công với khu vực tư. khái niệm, các định lý Pareto; Hiểu rõ khái niệm, và cách xác định hàng hóa công cộng.	ELO 1,2,3,4
CELO2	Phân tích được các giá trị và đóng góp của nhà quản lý trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội	ELO 6,8

CELO3	Xác định được mục tiêu, tầm quan trọng của quản lý công với sự phát triển kinh tế xã hội.	ELO 1,2,3,4
Kỹ năng		
CELO4	Trình bày các khái niệm phương pháp toán, phương pháp đồ thị xác định các điều kiện đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Các khái niệm, và cách xác định hàng hóa công cộng.	ELO 6,7
CELO5	Thực hiện thảo luận và thuyết trình về phương cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường	ELO 6,7
Thái độ và phẩm chất đạo đức		
CELO6	Ý thức về vai trò và trách nhiệm, các phẩm chất đạo đức và nhân cách cần có của nhà quản lý công.	ELO 7,8

5) Nội dung học phần

Tuần	Kết quả học tập mong đợi của bài học (LLOs)	Nội dung	KQHTMD của học phần
		CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ CÔNG	

Tuần 1

Tuần	Kết quả học tập mong đợi của bài học (LLOs)	Nội dung	KQHTMD của học phần
	LLO1: Giải thích được khái niệm quản công LLO2: Xác định đối tượng quản lý công. LLO3: Phân tích mục tiêu của quản lý công. LLO4: Xác định các công cụ điều tiết quản lý công.	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 1.1. Khu vực công là gì? 1.2. Phân loại khu vực công và khu vực tư 1.3. Đối tượng của quản lý công 1.4. Mục tiêu quản lý công 1.5. Các công cụ điều tiết quản lý công Nội dung seminar/thảo luận: (1 tiết) Tình huống do giảng viên đưa ra	CELO1, CELO3, CELO4,
		B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) SV đọc tài liệu [1] chương 1, [2] chương 1, [3] chương 1	
		C/ Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Thảo luận nhóm, bài tập làm việc nhóm	
		CHƯƠNG 2: HIỆU QUẢ KINH TẾ PARETO	
Tuần 2	LLO1: Giải thích hiệu quả Pareto LLO4: Xác định được hiệu quả trong trao đổi; cân bằng cạnh tranh	A/ Các nội dung chính trên lớp: (4 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 1. Khái niệm, các định lý về hiệu quả Pareto 2. Các điều kiện để đạt được hiệu quả Pareto trong các lĩnh vực: trao đổi tiêu dùng; sản xuất; tổng hợp. 3. Hai định lý cơ bản của kinh tế học phúc lợi. Nội dung seminar/thảo luận: (1 tiết) Tình huống do giảng viên đưa ra	CELO2, CELO6
		B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) SV đọc tài liệu [1] chương 2, [2] chương 2, [3] chương 2	
		C/ Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Thảo luận nhóm, bài tập làm việc nhóm	

Tuần	Kết quả học tập mong đợi của bài học (LLOs)	Nội dung	KQHTMD của học phần
Tuần 3		CHƯƠNG 3: HÀNG HÓA CÔNG VÀ SỰ LỰA CHỌN CÔNG CỘNG	
	LLO1: Xác định và giải thích được ý nghĩa hàng hóa công cộng LLO2: Xác định và giải thích hiệu quả trong việc sản xuất, cung ứng hàng hóa công cộng LLO3: Sử dụng được mô hình lý thuyết trò chơi đối với hàng hóa công cộng;	A/ Các nội dung chính trên lớp: (10 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (8 tiết) 3.1 Khái niệm, phân loại hàng hóa công cộng; 3.2 Tính hiệu quả trong việc sản xuất, cung ứng hàng hóa công cộng; 3.3 Đường cầu về hàng hóa công cộng; 3.4 Hàng hóa các nhân được cung cấp công cộng; 3.5 Tính hiệu quả của việc cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân; 3.6 Lý thuyết trò chơi đối với hàng hóa công cộng; 3.7 Lựa chọn công cộng: Cơ sở của lựa chọn công cộng và chi tiêu chính phủ; Nội dung seminar/thảo luận: (2tiết) Tình huống do giảng viên đưa ra	CELO2, CELO3, CELO4, CELO6
		B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) SV đọc tài liệu [1] chương 3, [2] chương 3, [3] chương 3	
		C/ Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Thảo luận nhóm, bài tập làm việc nhóm, thuyết trình nhóm	
Tuần 4		CHƯƠNG 4: TÁC ĐỘNG NGOẠI VI VÀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ	

Tuần	Kết quả học tập mong đợi của bài học (LLOs)	Nội dung	KQHTMD của học phần
	LLO1: Xác định và giải thích được các yếu tố ngoại vi, phân loại LLO2: Xác định và giải thích được nguyên nhân xuất hiện yếu tố ngoại vi nền kinh tế kém hiệu quả	A/ Các nội dung chính trên lớp: (10 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (8 tiết) 4.1 Yếu tố ngoại vi, phân loại; 4.2 Tại sao xuất hiện yếu tố ngoại vi nền kinh tế kém hiệu quả; 4.3 Các chính sách của chính phủ: Phạt tiền trên một đơn vị sản lượng; phạt tiền trên một đơn vị tác động tiêu cực; trợ cấp trên một đơn vị sản lượng; trợ cấp trên một đơn vị hạn chế sự tác động tiêu cực; hệ thống tiêu chuẩn; phạt hành chính. 4.4 Sự lựa chọn các chính sách.	CELO2, CELO3, CELO4, CELO6
		B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) SV đọc tài liệu [1] chương 4, [2] chương 4, [3] chương 4, [4] chương 4	
		C/ Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Thảo luận nhóm, bài tập làm việc nhóm, thuyết trình nhóm	
		CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC TRONG CÁC TỔ CHỨC	
Tuần 5	LLO1: Giải thích được chiến lược là gì? LLO2: Hiểu và phân tích được một số chiến lược khu vực công.	A/ Các nội dung chính trên lớp: (5 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) 5.1. Chiến lược là gì ? 5.2. Chiến lược khu vực công Thảo luận: (2 tiết)	CELO6
		B/ Đánh giá kết quả học tập Phương pháp đánh giá: Thảo luận nhóm, bài tập làm việc nhóm, thuyết trình nhóm	

6) Phương pháp giảng dạy và học tập

6.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Thảo luận / thảo luận theo nhóm
- Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy
- Thực hành tại Doanh nghiệp

6.2. Phương pháp học tập

- Học viên tự đọc tài liệu, pháp triển giả thuyết và câu hỏi liên quan.
- Học viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm.
- Học viên thuyết trình các kết quả thảo luận nhóm.

7) Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Học viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian lên lớp.
- Học viên tham gia thực hành tại doanh nghiệp
- Chuẩn bị cho bài giảng: Học viên phải đọc các tài liệu liên quan do giảng viên cung cấp, làm các bài tập, tham gia thảo luận nhóm.
- Thái độ: cầu thị, tôn trọng.

8) Đánh giá và cho điểm

8.1. Thang điểm: 10

8.2. Kế hoạch đánh giá và trọng số:

- Tổng điểm đánh giá *quá trình* chiếm tỷ lệ 20% điểm đánh giá toàn học phần.
- Tổng điểm đánh giá *giữa kỳ* chiếm tỷ lệ 20% điểm đánh giá toàn học phần.

Hình thức: Thuyết trình;

Thực hiện theo nhóm;

GV đánh giá từng nhóm.

- Tổng điểm đánh giá *kết thúc học phần* chiếm tỷ lệ 60% điểm đánh giá toàn học phần:

Hình thức: Trắc nghiệm;

Thời gian: 60 phút, SV không sử dụng tài liệu.

- Điểm đạt tối thiểu: 4/10

KQHTMD của học phần	Tiêu chí đánh giá	Phân loại			
		Tốt	Khá	Trung Bình	Không đạt
Về kiến thức:					

1. Hiểu biết cơ bản các khái niệm về quản lý công, các định lý Pareto; cách xác định hàng hóa công cộng; đề trong việc lựa chọn công cộng và chỉ tiêu chính phủ.	1.1 Hiểu được các khái niệm về quản lý công	Nắm vững và hiểu rõ các định nghĩa và khái niệm về quản lý công	Có thể nêu được các định nghĩa và khái niệm về quản lý công nhưng chưa hiểu rõ.	Có thể nêu được một số định nghĩa và khái niệm cơ bản về quản lý công nhưng chưa hiểu.	Không nêu được khái niệm cơ bản về quản lý công.
	1.2 Biết cách tính các phương pháp toán, phương pháp đồ thị xác định các điều kiện đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.	Biết cách tính đúng và nhanh trên 80%	Biết công thức và có thể tính đúng khoảng 70%	Biết công thức và có thể tính đúng khoảng 50%	Không nhớ công thức và chỉ có thể tính đúng dưới 40%
	1.3 Hiểu và phân tích được các phương cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường	Biết phân tích và đánh giá các phương cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân trong từng bối cảnh.	Nắm được 70% các chính các phương cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân	Nắm được 50% các các phương cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân	Không hiểu các các phương cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân
2. Phân tích được các giá trị và đóng góp của nhà quản lý công trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội	2.1. Phân tích được các giá trị và đóng góp của nhà quản lý công trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội	Phân tích tốt các giá trị và đóng góp của nhà quản lý công trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, sai không đáng kể	Phân tích chưa tốt các giá trị và đóng góp của nhà quản lý công trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội, có sai nhiều nhưng không quan trọng	Phân tích các giá trị và đóng góp của nhà quản lý công trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội nhưng còn sai một số chỗ quan trọng	Không hiểu và không phân tích được các giá trị và đóng góp của nhà quản lý công trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.
3. Xác định được mục	3.1. Hiểu được mục tiêu, tầm quan trọng của	Nêu được mục tiêu và	Nêu được mục tiêu	Nêu được mục tiêu	Không nêu được mục

tiêu, tầm quan trọng của quản lý công đối với sự phát triển của kinh tế xã hội.	quản lý công đối với sự phát triển kinh tế xã hội.	đánh giá tốt tầm quan trọng của quản lý công đối với sự phát triển kinh tế xã hội, sai sót không đáng kể.	và đánh giá chưa tốt tầm quan trọng của quản lý công đối với sự phát triển kinh tế xã hội, có sai nhiều nhưng không quan trọng	và đánh giá chưa tốt tầm quan trọng của quản lý công đối với sự phát triển kinh tế xã hội, còn sai một số chỗ quan trọng.	tiêu và không đánh giá được tầm quan trọng của quản lý công đối với sự phát triển kinh tế xã hội
Về kỹ năng:					
4. Trình bày các khái niệm về cơ bản về quản lý công; lý thuyết và mô hình để giải thích. Trình bày vai trò và trách nhiệm, các phẩm chất đạo đức và nhân cách cần có của nhà quản lý.	4.1. Nội dung	Chính xác, khoa học Phong phú hơn yêu cầu	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ. Đầy đủ theo yêu cầu	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng. Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng. Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	4.2. Cấu trúc và tính trực quan	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý. Rất trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý. Khá trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý. Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý. Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
	4.3. Kỹ năng trình bày	Dẫn dắt vấn đề và lập luận logic, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa logic, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
5. Thực hiện thảo luận và thuyết trình về phương cung cấp công cộng	5.1. Thảo luận và thuyết trình về phương cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường nhằm đưa ra	Nhóm phối hợp tốt, hiểu rõ nội dung phương cung cấp công cộng hàng hóa cá	Nhóm phối hợp tốt, hiểu rõ nội dung phương cung cấp công cộng	Nhóm phối hợp chưa tốt, hiểu chưa hết nội dung quan trọng	Nhóm phối hợp kém, không hiểu nội dung phương cung cấp

hàng hóa cá nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường nhằm đưa ra những định hướng cho bản thân từ những tình huống cụ thể trong cuộc sống.	những định hướng cho bản thân từ những tình huống cụ thể trong cuộc sống	nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường, biết cách vận dụng trong tình huống thực tế	hàng hóa cá nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường nhưng chưa biết cách vận dụng trong tình huống thực tế	cung cấp công cộng hàng hóa cá nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường, chưa biết cách vận dụng trong tình huống thực tế	công cộng hàng hóa cá nhân có hiệu quả kinh tế ở Việt Nam và các nước có nền kinh tế thị trường, chưa biết cách vận dụng trong tình huống thực tế
---	--	--	--	--	---

Về thái độ:

6. Ý thức về vai trò và trách nhiệm, các phẩm chất đạo đức và nhân cách cần có của nhà quản lý công	6.1 Thể hiện thái độ tích cực trong học tập, làm việc nhóm.	Thái độ học tập hăng say, đưa ra ý kiến thảo luận sôi nổi, làm việc nhóm hiệu quả	Thái độ học tập khá, có tham gia thảo luận, làm việc nhóm tương đối tốt	Thái độ học tập trung bình, ít tham gia thảo luận, làm việc nhóm chưa tốt	Thái độ học tập kém, không tham gia thảo luận, làm việc nhóm kém
	6.2 Thể hiện đạo đức và nhân cách trong quản lý công	Thể hiện đạo đức và nhân cách tốt trong quản lý công	Thể hiện đạo đức và nhân cách khá trong quản lý công	Thể hiện đạo đức và nhân cách trung bình trong quản lý công	Thể hiện đạo đức và nhân cách kém trong quản lý công

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMD của học phần

Các KQHTMD của HP	Thái độ học tập (5%)	Làm việc nhóm (5%)	Thực hành (10%)	Thuyết trình (20%)	Thi giữa và cuối kỳ (60%)
CELO 1	x	x	x	x	x
CELO 2	x	x	x	x	x
CELO 3	x	x	x	x	x

CELO 4	x	x	x	x	
CELO 5	x	x	x	x	
CELO 6	x	x	x	x	

Rubrics đánh giá học phần

Rubric 1: Đánh giá Tham gia các hoạt động tại lớp					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự tích cực	50	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự đầy đủ	50	không được vắng trên 1 buổi lý thuyết			

Rubric 2: Đánh giá thảo luận nhóm					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham gia	20	Nhóm thể hiện tốt các yêu cầu được phân công, vận hành tốt	Nhóm thể hiện đầy đủ các yêu cầu được phân công, vận hành khá	Nhóm có làm việc nhưng rời rạc, phân công không rõ ràng, có mâu thuẫn	Không thành lập nhóm hoặc nhóm không hoạt động/ hoạt động rời rạc
Kỹ năng thảo luận	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá không tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Ý kiến rất sáng tạo, phù hợp với tình huống	Ý kiến tương đối phù hợp với tình huống	Ý kiến chưa phù hợp với tình huống	Không có ý kiến

Rubric 3: Đánh giá làm việc nhóm					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham gia	20	Khơi gợi vấn đề và dẫn dắt cuộc thảo luận	Tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia
Kỹ năng làm việc	40	Phân tích, đánh giá tốt	Phân tích, đánh giá khá tốt	Phân tích, đánh giá khi tốt, khi chưa tốt	Phân tích, đánh giá chưa tốt
Chất lượng đóng góp ý kiến	40	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp

Rubric 4: Đánh giá thuyết trình					
Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận logic, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa logic, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

9) Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: phòng học.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa

TP. Hồ Chí Minh, ngày... tháng...năm

Trưởng Khoa

Người biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Nhĩ

Viện sĩ. TS. Nguyễn Văn Đáng

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách môn học :

Họ và tên: Nguyễn Văn Đáng	Học hàm, học vị: Viện sĩ; Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Lầu 1, CS An Phú Đông, Phường An Phú Đông, Q.12, TP.HCM	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: www.qtkd.ntt.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: điện thoại, email và gặp trực tiếp	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	